

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 27-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Phước;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 794/2019/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh Đỗ Chơn C, sinh năm 1984.

Cùng cư trú tại: Ấp AB, xã AT, huyện Trảng Bàng, (nay là khu phố AB, phường AT, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh.

(Chị D, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Chị và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Trảng Bàng (nay là phường AT, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng nhà gia đình anh C tại ấp AB, xã AT (nay là khu phố AB, phường AT).

Vợ chồng cùng làm nhân viên văn phòng, kinh tế độc lập với gia đình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không phụ giúp kinh tế gia đình, lo lắng cho vợ, con. Chị khuyên can nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 9-2019 đến nay. Khi ly thân, chị về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp AL, xã AH, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố AL, phường AH, thị xã Trảng Bàng), tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Đỗ Trương Trung T, sinh ngày 26-12-2006 và cháu Đỗ Hà P, sinh ngày 16-8-2012. Hiện tại cháu T và cháu P đều đang chung sống cùng với chị, hai cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu P, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 04-5-2020, bị đơn anh Đỗ Chơn C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh làm ăn thua lỗ nên tháng 9-2019, chị D về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng anh tự ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn được vì đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay anh đồng ý ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Đỗ Trương Trung T, sinh ngày 26-12-2006 và cháu Đỗ Hà P, sinh ngày 16-8-2012. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu P, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị D đối với anh Đỗ Chơn C. Chị D được ly hôn anh C.

Về con chung: Giao chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Trương Trung T, sinh ngày 26-12-2006 và Đỗ Hà P, sinh ngày 16-8-2012. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Trương Thị D và anh Đỗ Chơn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh C chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Trảng Bàng (nay là phường AT, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình và mâu thuẫn kéo dài đến tháng 9-2019 thì vợ chồng chị D, anh C đã tự ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị D yêu cầu ly hôn và anh C cũng đồng ý ly hôn chị D.

Xét thấy, chị D và anh C tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị D và anh C đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C, cho chị D được ly hôn anh C là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Đỗ Trương Trung T, sinh ngày 26-12-2006 và cháu Đỗ Hà P, sinh ngày 16-8-2012 hiện đang theo sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu P. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T và cháu P đều có nguyện vọng theo sống cùng chị D. Bên cạnh đó, anh C cũng đồng ý giao chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu P. Do đó, Hội đồng xét xử giao chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu P là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị D đối với anh Đỗ Chơn C.

Chị Trương Thị D được ly hôn anh Đỗ Chơn C.

2. Về con chung:

Giao chị Trương Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Trương Trung T, sinh ngày 26-12-2006 và cháu Đỗ Hà P, sinh ngày 16-8-2012.

Ghi nhận chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí:

Chị Trương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017829 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị D, anh C biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường AT;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư